

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-01-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Dũng
2. Bà Trần Thị Huệ

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 15/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2017/TLST- HNGĐ ngày 07/11/2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Đội 11, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định - Có mặt.

Bị đơn: Anh Lâm Văn K, sinh năm: 1985

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 9K2 phân trại số 2 trại giam H, tổng cục VIII - Bộ Công an.

Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái - Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2017, bản tự khai ngày 07/11/2017 và trong quá trình xét xử chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn K kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2009. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống, xuất phát từ đó vợ chồng hay cãi nhau, tình cảm vợ chồng

ngày càng lạnh nhạt. Năm 2012 anh K vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai xét xử và tuyên phạt 12 năm tù về tội "Cướp tài sản". Hiện anh K đang chấp hành án tại Đội 9K2 - phân trại số 2 trại giam H, tổng cục VIII - Bộ Công an. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn K.

Đối với anh Lâm Văn K tại bản tự khai ngày 20/11/2017 anh cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống, xuất phát từ đó vợ chồng hay cãi nhau. Năm 2012 anh bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai xét xử và tuyên phạt 12 năm tù về tội "Cướp tài sản", chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Lâm Văn K xác nhận anh chị có một người con chung cháu Lâm Việt T, sinh ngày 11/01/2011, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lâm Việt T, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Anh Lâm Văn K nhất trí để chị Lê Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với cháu Lâm Việt T đến ngày 11/01/2018 cháu đủ 07 tuổi, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2018 cháu có nguyện vọng được chị Lê Thị L là mẹ đẻ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Lâm Văn K đều xác nhận anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được việc ly hôn, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì một bên đương sự đang chấp hành án phạt tù.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình và về thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị L có mặt, anh Lâm Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt và hai anh chị vẫn giữ nguyên yêu cầu nguyện vọng của mình. Như vậy cần xét xử vắng mặt anh là phù hợp với Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lê Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn” với anh Lâm Văn K. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Lâm Văn K là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống, xuất phát từ đó vợ chồng hay cãi nhau. Năm 2012 anh Lâm Văn K bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai xét xử và tuyên phạt 12 năm tù về tội "Cướp tài sản". Việc mâu thuẫn của anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận. Hai anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được. Vì vậy anh chị đều có yêu cầu được ly hôn. Xét yêu cầu của chị L và anh K là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Lâm Việt T, sinh ngày 11/01/2011, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị L. Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lâm Việt T đang ở cùng chị L, chị L đã cung cấp được chứng cứ chứng minh chị có công việc ổn định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại tổng hợp Hoa Việt với mức lương là 3.259.000đ/tháng, còn anh Lâm Văn K hiện đang phải chấp hành án phạt tù. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Lâm Việt T, xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của cháu nên theo Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần giao cháu Lâm Việt T cho chị Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Lê Thị L không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Lâm Văn K xác nhận anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay mượn gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lâm Văn K

2/ Về con chung: Xử giao cháu Lâm Việt T, sinh ngày 11/01/2011 cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lâm Văn K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lâm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0007384 ngày 07/11/2017. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT;
- UBND xã Trì Quang;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng